VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 234/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH
Quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tàu quân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13;

Căn cứ Luật An ninh quốc gia số 32/2004/QH11;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH11;

Căn cứ Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14;

Căn cứ Luật Cảnh sát biển Việt Nam số 33/2018/QH14;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 23/2023/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tàu quân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp phép; thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng; kiểm tra, giám sát; đảm bảo an ninh, an toàn, công tác lễ tân và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam) và tàu quân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài (sau đây gọi tắt là tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài và thành viên trên tàu; các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

2. Tàu thuyền công vụ được trang bị vũ khí quân dụng của một quốc gia, vùng lãnh thổ; tàu thuyền của một tổ chức quân sự quốc tế đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm, thực hiện các hoạt động hợp tác khác hoặc sửa chữa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu quân sự nước ngoài là tàu thuyền thuộc lực lượng vũ trang của một quốc gia và mang dấu hiệu bên ngoài thể hiện rõ quốc tịch của quốc gia đó, do sĩ quan hải quân phục vụ quốc gia đó chỉ huy, người chỉ huy này có tên trong danh sách sĩ quan hay trong một tài liệu tương đương được cấp có thẩm quyền quốc gia đó xác nhận; hoạt động của thủy thủ đoàn phải tuân theo các điều lệnh kỷ luật quân sự.

2. Tàu quân sự Việt Nam là tàu thuyền thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, mang dấu hiệu bên ngoài thể hiện quốc tịch Việt Nam, do sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ huy, người chỉ huy tàu có tên trong danh sách sĩ quan hay trong một tài liệu tương đương, hoạt động của thủy thủ đoàn phải tuân theo các điều lệnh kỷ luật quân đội.

3. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam là các tàu quân sự nước ngoài đến lãnh hải, nội thủy và cảng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện các chuyến thăm, thực hiện các hoạt động hợp tác khác và sửa chữa.

4. Tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài là các tàu quân sự của Việt Nam đến lãnh hải, nội thủy và cảng biển của nước ngoài thực hiện các chuyến thăm, thực hiện các hoạt động hợp tác khác hoặc sửa chữa.

5. Tàu quân sự thực hiện các chuyến thăm là tàu quân sự của một nước đến nước kia để giao lưu, hợp tác với mục đích tăng cường quan hệ hữu nghị giữa nhân dân và lực lượng quân đội hai quốc gia.

6. Tàu quân sự thực hiện các hoạt động hợp tác khác là các tàu quân sự của một nước đến nước kia thực hiện các hoạt động: Tuần tra chung; nhân đạo; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; đo đạc, khảo sát và nghiên cứu biển; tìm kiếm hài cốt; chống cướp biển (bao gồm cả hoạt động ghé đậu, thực hiện các dịch vụ bảo đảm cho các hoạt động trên); cho thủy thủ đoàn nghỉ ngơi và một số hoạt động chuyên ngành khác theo thỏa thuận giữa nước nơi tàu đến và nước có tàu.

7. Tàu quân sự của một nước đến nước kia để sửa chữa là các tàu quân sự đến bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa theo hợp đồng với các doanh nghiệp của nước nơi tàu đến.

8. Thành viên trên tàu quân sự nước ngoài là Trưởng đoàn (nếu có), Thuyền trưởng, thủy thủ và những người khác cùng đi trên tàu.

9. Cảng quân sự là cảng do Bộ Quốc phòng Việt Nam quản lý và hoạt động theo quy chế cảng quân sự.

10. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển bao gồm: Biên phòng cửa khẩu cảng; Hải quan cửa khẩu cảng; Cảng vụ hàng hải; Kiểm dịch y tế quốc tế; Kiểm dịch động vật, thực vật cửa khẩu cảng.

11. Người làm thủ tục là Trưởng đoàn hoặc Thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài

1. Đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2023 và các quy định sau:

a) Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam vi phạm các quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam được giải quyết qua đường ngoại giao trên cơ sở pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Trưởng đoàn hoặc Thuyền trưởng tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam chịu trách nhiệm về những hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật của các thành viên trên tàu gây ra trong thời gian hoạt động tại Việt Nam;

c) Thành viên của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ người được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ về ngoại giao);

d) Khi xảy ra tai nạn hàng hải đối với tàu hay phát hiện tai nạn hoặc vụ việc khác liên quan đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, Trưởng đoàn hoặc Thuyền trưởng tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam có trách nhiệm thông báo ngay cho Biên phòng cửa khẩu cảng và báo cáo tai nạn hàng hải theo quy định;

đ) Việc xử lý tai nạn hàng hải có liên quan đến tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện theo quy định tại Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

2. Đối với tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài

a) Tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng;

b) Thực hiện đúng kế hoạch hoạt động của tàu, lực lượng, vũ khí trang bị kỹ thuật đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt;

c) Chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự;

d) Tôn trọng và tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật của nước sở tại nơi tàu đến và các điều ước quốc tế mà nước sở tại và Việt Nam cùng là thành viên.

Chương II
TÀU QUÂN SỰ NƯỚC NGOÀI ĐẾN VIỆT NAM

Mục 1
THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP PHÉP, THỦ TỤC NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, CHUYỂN CẢNG

Điều 5. Thẩm quyền quyết định

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định cho các tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm, hoạt động hợp tác khác hoặc sửa chữa.

Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp phép

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trình tự, thủ tục cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm, hoạt động hợp tác khác hoặc sửa chữa.

Điều 7. Thông báo tàu quân sự nước ngoài đến, rời cảng biển và sử dụng hoa tiêu hàng hải Việt Nam

1. Chậm nhất 24 giờ trước khi tàu quân sự nước ngoài dự kiến đến cảng biển Việt Nam, người làm thủ tục phải thông báo trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin liên lạc khác cho Cảng vụ hàng hải và Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu đến Thông báo tàu đến cảng.

2. Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu quân sự nước ngoài rời cảng, người làm thủ tục phải thông báo trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin liên lạc khác cho Cảng vụ hàng hải và Biên phòng cửa khẩu cảng biết nội dung Thông báo tàu rời cảng.

3. Khi vào, rời cảng biển hoặc di chuyển trong vùng nước cảng biển Việt Nam, tàu quân sự nước ngoài phải sử dụng hoa tiêu hàng hải Việt Nam dẫn tàu và trả phí hoa tiêu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 8. Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài tại cảng biển

1. Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng cho tàu, thành viên trên tàu quân sự nước ngoài được thực hiện trực tiếp tại tàu. Thủ tục nhập cảnh, chuyển cảng đến được thực hiện ngay sau khi tàu đến khu vực, vùng đón, trả hoa tiêu và kết thúc trước khi tàu vào vị trí neo đậu, cập cảng; thủ tục xuất cảnh, chuyển cảng đi được kết thúc chậm nhất là ngay trước khi tàu rời cảng.

2. Thành viên tàu quân sự nước ngoài được sử dụng Thẻ quân nhân hoặc Giấy chứng minh quân nhân hoặc Danh sách thành viên để xuất nhập cảnh, đi bờ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu neo đậu, nhưng không được sử dụng để xuất cảnh qua cửa khẩu khác.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định các loại giấy tờ người làm thủ tục phải nộp khi nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài tại cảng biển.

4. Đoàn kiểm tra làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng bao gồm:

a) Trưởng đoàn: Đại diện Biên phòng cửa khẩu cảng;

b) Thành viên đoàn làm thủ tục nhập cảnh gồm đại diện: Cảng vụ hàng hải, Hải quan cửa khẩu cảng, Kiểm dịch y tế quốc tế và Kiểm dịch động vật, thực vật cửa khẩu cảng (nếu tàu phải thực hiện kiểm dịch động vật, thực vật);

c) Thành viên đoàn làm thủ tục xuất cảnh, chuyển cảng gồm đại diện: Cảng vụ hàng hải, Hải quan cửa khẩu cảng.

Điều 9. Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài đến lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển

1. Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài đến lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển được thực hiện tại trụ sở Cảng vụ hàng hải thuộc cấp tỉnh nơi tàu đến.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định các loại giấy tờ người làm thủ tục phải nộp khi nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài đến lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển.

Mục 2
HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU QUÂN SỰ NƯỚC NGOÀI ĐẾN VIỆT NAM VÀ ĐI BỜ CỦA THÀNH VIÊN TRÊN TÀU

Điều 10. Hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm

1. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm được neo đậu, hoạt động tại cảng biển, cảng quân sự đã được cấp phép; phải tuân thủ các quy định của Nghị định này, quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan và sự hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng.

2. Tàu quân sự của cùng một quốc gia đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm:

a) Không quá 03 lần trong 01 năm;

b) Không được trú đậu quá 03 tàu tại cùng một cảng trong cùng một thời điểm, thời gian trú đậu không quá 07 ngày;

c) Trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 11. Hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các hoạt động hợp tác khác

1. Tàu quân sự nước ngoài đến lãnh hải, nội thủy và cảng biển của Việt Nam chỉ được thực hiện các hoạt động đã thỏa thuận, thống nhất giữa các bộ, ngành, địa

phương liên quan của Việt Nam và quốc gia có tàu, trong phạm vi hoạt động đã được Bộ Quốc phòng cấp phép.

2. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các hoạt động khác tại lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển cần di chuyển ra ngoài phạm vi hoạt động đã được cấp phép phải xin phép và chỉ thực hiện khi được Bộ Quốc phòng Việt Nam chấp thuận.

Trường hợp phải di chuyển khẩn cấp vì lý do bất khả kháng hoặc vì mục đích phải cứu giúp người, tàu thuyền hay tàu bay đang gặp nạn, ngay sau khi đến vị trí neo đậu an toàn phải thông báo cho Bộ Quốc phòng Việt Nam, bộ ngành chủ quản và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan.

Điều 12. Hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam để sửa chữa

1. Sau khi được cấp phép đến Việt Nam để sửa chữa, 48 giờ trước khi tàu vào lãnh hải Việt Nam, Thuyền trưởng tàu quân sự nước ngoài phải thông báo và giữ liên lạc với Cảng vụ hàng hải nơi tàu đến.

Trường hợp trên tàu có sự thay đổi so với nội dung đã được cấp phép thì Thuyền trưởng phải thông báo cho doanh nghiệp Việt Nam tiếp nhận sửa chữa tàu để phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan giải quyết trước khi tàu vào sữa chữa.

2. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam để sửa chữa chỉ được neo đậu sửa chữa tại các cơ sở sửa chữa tàu biển đã được cấp phép.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định số lượng tàu quân sự của cùng một quốc gia đến Việt Nam để sửa chữa trong cùng một thời điểm tại cùng một cơ sở sửa chữa.

3. Trong thời gian ra vào, neo đậu, sửa chữa, tàu quân sự nước ngoài, thành viên trên tàu, doanh nghiệp sửa chữa tàu phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, nội quy cảng biển, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng.

4. Khi neo đậu sửa chữa, việc sử dụng các phương tiện khác trên tàu để đi lại, bảo dưỡng phương tiện phải được sự chấp thuận và chịu sự kiểm tra, giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng và Cảng vụ hàng hải Việt Nam.

5. Các hoạt động giao lưu, thăm tàu phải xin phép và chỉ thực hiện khi được Bộ Quốc phòng Việt Nam chấp thuận.

6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể nội dung và phạm vi bảo vệ của doanh nghiệp bảo vệ đối với các tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam để sửa chữa có nhu cầu thuê dịch vụ bảo vệ trong thời gian tàu neo đậu sửa chữa.

Điều 13. Đi bờ đối với các thành viên trên tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm, thực hiện các hoạt động hợp tác khác và sửa chữa

1. Thành viên của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm chỉ được phép rời tàu đi bờ sau khi đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh, thủ tục chuyển cảng đến và phải trở lại tàu trước khi các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển thực hiện thủ tục xuất cảnh, thủ tục chuyển cảng đi cho tàu. Khi đi bờ, các thành viên trên tàu phải chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam, hướng dẫn và chịu sự kiểm tra, giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng và lực lượng Công an địa phương nơi tàu neo đậu, tôn trọng truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán của Việt Nam. Trường hợp mang theo hàng hóa, phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về hải quan, y tế, kiểm dịch.

2. Khi đi bờ theo chương trình hoạt động chính thức của chuyến thăm, các thành viên trên tàu phải đi theo đoàn, nhóm, phải có trưởng đoàn (nhóm); không mang vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; quân nhân phải mang mặc quân phục; người thuộc các tổ chức hoặc chuyên ngành khác, phải mang mặc đồng phục của tổ chức, chuyên ngành mình. Trưởng đoàn (nhóm) có trách nhiệm theo dõi, quản lý thành viên đoàn trong quá trình thực hiện các chương trình hoạt động chính thức của chuyến thăm. Trường hợp có thành viên trong đoàn vắng mặt, không tham gia chương trình hoạt động theo quy định, trưởng đoàn (nhóm) phải thông báo ngay cho cơ quan chủ trì tiếp đón.

3. Khi đi bờ với mục đích cá nhân, các thành viên trên tàu có thể đi theo đoàn (nhóm) hoặc cá nhân; không mang vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; được phép mang mặc thường phục.

4. Trường hợp tàu neo đậu tại lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển, doanh nghiệp đưa đón thành viên trên tàu đi bờ phải có giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chở người trên biển và có hợp đồng với phía tàu. Phương tiện, người điều khiển phương tiện đưa đón phải được cấp giấy phép theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này.

5. Thành viên trên tàu đi bờ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu neo đậu:

a) Không phải đề nghị cấp thị thực Việt Nam;

b) Khi thành viên trên tàu có nhu cầu đi bờ, Trưởng đoàn hoặc Thuyền trưởng phải có đơn xin phép cho thành viên của tàu đi bờ và được Biên phòng cửa khẩu

cảng nơi tàu neo đậu chấp thuận, cấp Giấy phép đi bờ của thành viên tàu quân sự nước ngoài. Thời gian đi bờ từ 01h00 - 24h00 hàng ngày;

c) Trường hợp thành viên trên tàu có nhu cầu nghỉ qua đêm trên bờ, Trưởng đoàn hoặc Thuyền trưởng phải có đơn xin phép và được Biên phòng cửa khẩu cảng chấp thuận, cấp giấy phép;

d) Thủ tục, lệ phí cấp Giấy phép đi bờ của thành viên tàu quân sự nước ngoài, thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 25 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh trật tự tại của khẩu cảng.

6. Thành viên trên tàu đi ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu neo đậu:

a) Thành viên trên tàu có nhu cầu đi ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu neo đậu phải có thị thực Việt Nam (trừ trường hợp mang hộ chiếu thuộc diện được miễn thị thực Việt Nam) và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về nhập cảnh, xuất cảnh;

b) Trường hợp đi theo chương trình hoạt động chính thức của chuyến thăm, các thành viên trên tàu được miễn phí thị thực (đối với những trường hợp không thuộc diện miễn thị thực Việt Nam);

c) Trường hợp đi với mục đích cá nhân, thành viên trên tàu phải nộp phí thị thực (đối với những trường hợp không thuộc diện miễn thị thực Việt Nam) theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 14. Các hoạt động tàu quân sự nước ngoài không được thực hiện khi đến Việt Nam

1. Xâm phạm độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thu thập tình báo, quay phim, chụp ảnh, vẽ cảnh đồ ở khu vực cấm và những hành vi khác, gây phương hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Tuyên truyền, phát tán tài liệu, sách báo, phim ảnh, văn hóa phẩm mà chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng Việt Nam.

4. Vận chuyển vũ khí giết người hàng loạt, các chất phóng xạ, chất độc hóa học, chất độc sinh học, chất ma túy.

5. Đưa người, hàng hóa và phương tiện xuống hoặc rời tàu trái với quy định của pháp luật Việt Nam về nhập cảnh, xuất cảnh, xuất nhập khẩu trừ trường hợp cứu người bị nạn nhưng sau đó phải thông báo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành Việt Nam có thẩm quyền tại cảng biển.

6. Phóng đi, tiếp nhận hay xếp lên tàu bất kỳ phương tiện bay hay khí tài quân sự mà chưa được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng Việt Nam.

7. Các hoạt động nghiên cứu, đo đạc, đánh bắt hải sản, trao đổi mua bán hoặc gây nhiễu hệ thống thông tin liên lạc, rađa, cản trở giao thông vận tải mà chưa được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

8. Gây ô nhiễm môi trường, làm hư hại các thiết bị, công trình trên biển và ở cảng biển.

9. Sử dụng thợ lặn hoặc các thiết bị lặn ngầm khác dưới nước khi chưa được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng Việt Nam cho phép.

10. Tự động di chuyển cập mạn tàu khác, đi vào khu vực cấm.

11. Gây mất trật tự công cộng, cản trở hoặc chống lại việc thực thi nhiệm vụ của nhà chức trách Việt Nam.

12. Huấn luyện, diễn tập, thao diễn và trình diễn với các loại vũ khí, phương tiện bay, khí tài quân sự mà chưa được phép của Bộ Quốc phòng Việt Nam.

13. Các hoạt động ngoài kế hoạch hai bên thống nhất và các hoạt động khác mà pháp luật Việt Nam cấm.

Mục 3
CẤP GIẤY PHÉP; KIỂM TRA, GIÁM SÁT; ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN; NGHI LỄ ĐỐI NGOẠI ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN TÀU QUÂN SỰ NƯỚC NGOÀI NƠI TÀU NEO ĐẬU

Điều 15. Cấp phép cho tổ chức, cá nhân, phương tiện Việt Nam, nước ngoài thực hiện các hoạt động liên quan đến tàu quân sự nước ngoài

1. Bộ Quốc phòng Việt Nam cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam sử dụng vũ khí bộ binh hoặc các loại súng mô hình để phục vụ cho mục đích nghi lễ, tổ chức nghi thức lễ chào thượng cờ hoặc đón tiếp khi tàu cập cảng và rời cảng và sử dụng phương tiện bay.

Các tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam sử dụng vũ khí bộ binh cho mục đích nghi lễ khi tàu neo đậu tại cảng, sử dụng các loại súng mô hình phục vụ tổ

chức các nghi thức, sử dụng phương tiện bay phải đưa vào chương trình hoạt động chính thức, gửi cùng thông báo chính thức đề nghị cấp phép thăm Việt Nam và được sự chấp thuận của Bộ Quốc phòng Việt Nam; đảm bảo khi thực hiện nghi lễ vũ khí bộ binh không có đạn.

2. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam có nhu cầu lặn, thả xuồng, rô bốt, phương tiện, thiết bị lặn khác để kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng định kỳ tàu phải đưa vào chương trình hoạt động chính thức gửi theo thông báo chính thức đề nghị cấp phép đến Việt Nam; khi thực hiện lặn, thả xuồng, rô bốt, phương tiện, thiết bị lặn khác phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng và Cảng vụ hàng hải nơi tàu neo đậu. Trường hợp khẩn cấp ngoài chương trình hoạt động chính thức liên quan đến an toàn của tàu phải được chấp thuận và giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng và Cảng vụ hàng hải nơi tàu neo đậu.

3. Mọi tổ chức, cá nhân, phương tiện của Việt Nam, nước ngoài (trừ cán bộ, nhân viên, phương tiện của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển, cảng quân sự đang thực hiện nhiệm vụ) ra vào, hoạt động trong khu vực tàu quân sự nước ngoài neo đậu; xuống tàu quân sự nước ngoài để làm việc, thực hiện các hoạt động khác trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển, cảng quân sự, nội thủy, lãnh hải phải có giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu quân sự nước ngoài neo đậu cấp theo quy định tại Điều 24, Điều 25 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng.

Phương tiện Việt Nam, nước ngoài cập mạn tàu quân sự nước ngoài phải được sự chấp thuận của Cảng vụ hàng hải nơi tàu neo đậu; người điều khiển phương tiện cập mạn phải có giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu quân sự nước ngoài neo đậu cấp.

4. Tổ chức, cá nhân, phương tiện quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Chỉ được cấp giấy phép khi thực hiện các hoạt động nằm trong chương trình hoạt động chính thức của tàu quân sự nước ngoài hoặc được Trưởng đoàn hoặc Thuyền trưởng tàu quân sự nước ngoài đề nghị, chấp thuận bằng văn bản;

b) Phải tuân thủ sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển, cảng quân sự và các lực lượng chức năng liên quan.

Điều 16. Kiểm tra, giám sát; đảm bảo an ninh, an toàn đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam

1. Biên phòng cửa khẩu cảng là lực lượng chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng đảm bảo an ninh, an toàn cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam;

kiểm tra, giám sát hoạt động của tàu quân sự nước ngoài, thành viên trên tàu đi bờ, người, phương tiện ra vào, hoạt động tại khu vực tàu quân sự nước ngoài neo đậu, người xuống tàu, phương tiện cập mạn tàu quân sự nước ngoài.

2. Khi thực hiện kiểm tra, giám sát, Biên phòng cửa khẩu cảng được áp dụng các biện pháp nghiệp vụ sau:

a) Giám sát trực tiếp hành trình của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm từ khi tàu neo đậu tại vùng đón, trả hoa tiêu cho đến khi tàu cập cảng;

b) Kiểm tra giấy tờ đối với các thành viên trên tàu đi bờ; người Việt Nam, người nước ngoài xuống tàu, rời tàu; phương tiện cập mạn tàu;

c) Giám sát khu vực, vùng nước cảng, giám sát trực tiếp tại cổng cảng, trạm kiểm soát nơi tàu quân sự nước ngoài neo đậu;

d) Giám sát bằng phương tiện kỹ thuật;

đ) Tuần tra, kiểm soát cơ động;

e) Các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tại lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển:

a) Bộ Quốc phòng quy định lực lượng chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng đảm bảo an ninh, an toàn khu vực nơi tàu quân sự nước ngoài neo đậu; kiểm tra, giám sát hoạt động của tàu quân sự nước ngoài, thành viên trên tàu, người, phương tiện có hoạt động liên quan;

b) Lực lượng kiểm tra, giám sát được áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 17. Nghi lễ đối ngoại

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với địa phương nơi tàu đến và các bộ, ngành có liên quan thực hiện nghi thức đón, tiếp và các hoạt động lễ tân.

2. Thực hiện theo quy định chung về nghi lễ đối ngoại của Việt Nam và các quy định hiện hành về nghi lễ đối ngoại quốc phòng.

Chương III
TÀU QUÂN SỰ VIỆT NAM ĐI NƯỚC NGOÀI

Điều 18. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp phép

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài thực hiện các chuyến thăm, hoạt động hợp tác khác hoặc sửa chữa.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trình tự, thủ tục cấp phép cho tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

Điều 19. Xuất cảnh, nhập cảnh

Thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với người đi trên phương tiện quốc phòng, an ninh ra, vào lãnh thổ Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 20. Đảm bảo an ninh, an toàn

Đơn vị cử tàu chủ trì, phối hợp triển khai công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm an ninh, an toàn trước khi thực hiện đưa tàu đi nước ngoài và bảo đảm an ninh, an toàn cho tàu, lực lượng, vũ khí trang bị trong suốt hành trình đi và về.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TÀU QUÂN SỰ NƯỚC NGOÀI ĐẾN VIỆT NAM VÀ TÀU QUÂN SỰ VIỆT NAM ĐI NƯỚC NGOÀI

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Bộ Quốc phòng là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

2. Ban hành theo thẩm quyền hoặc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

3. Tiếp nhận thông tin, thống nhất nội dung, chương trình hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam với quốc gia có tàu quân sự.

4. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức đón tiếp theo nghi thức lễ tân đối với tàu quân sự nước ngoài thực hiện các chuyến thăm.

5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan quản lý tàu quân sự nước ngoài và thành viên trên tàu trong thời gian đến Việt Nam.

6. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan quản lý tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

7. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; kiểm tra, giám sát hoạt động của tàu quân sự nước ngoài, thành viên trên tàu và các hoạt động có liên quan đến tàu quân sự nước ngoài; kiểm tra, giám sát hoạt động của tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài, thành viên trên tàu và các hoạt động có liên quan đến tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

8. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xử lý vi phạm của tàu quân sự nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Chỉ đạo cơ quan ngoại giao Việt Nam tại quốc gia tàu quân sự Việt Nam đến thăm giải quyết thủ tục đề nghị cấp phép ngoại giao cho tàu và phối hợp triển khai các hoạt động trong khuôn khổ chuyến thăm.

2. Tham gia ý kiến đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Công an cấp tỉnh phối hợp với các lực lượng chức năng trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương nơi có tàu quân sự nước ngoài neo đậu; xét, duyệt cấp thị thực theo quy định của pháp luật và kiểm tra giám sát hoạt động của các thành viên trên tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam đi ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu neo đậu.

2. Tham gia ý kiến về việc cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

Điều 24. Trách nhiệm của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng trong đón tàu quân sự nước ngoài thăm Việt Nam mà mục đích chuyến thăm có liên quan đến ngành, lĩnh vực do bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phụ trách.

2. Tham gia ý kiến về việc cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và triển khai các hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 10 năm 2025.

2. Nghị định số 104/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Bùi Thanh Sơn